

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2010

Dự thảo

TỜ TRÌNH CHÍNH PHỦ
VỀ DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Thực hiện Nghị quyết số 11/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XII (2007-2011) và năm 2008, Nghị quyết số 31/2009/QH12 ngày 17/6/2009 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010 và bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XII (2007-2010), Bộ Tài chính trình Chính phủ về Luật sửa đổi, bổ sung Luật KDBH như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Luật Kinh doanh bảo hiểm (sau đây viết tắt là Luật KDBH) đã được Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 9/12/2000, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/4/2001. Qua 10 năm thực hiện, Luật KDBH đã tạo điều kiện cho thị trường bảo hiểm Việt Nam tăng trưởng cao và hội nhập quốc tế, đồng thời đã có khung pháp lý để duy trì trật tự, kỷ cương, ngăn ngừa những hành vi trục lợi, cố ý làm trái các quy định pháp luật; đấu tranh phòng, chống thất thoát, tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực bảo hiểm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của người tham gia bảo hiểm; đồng thời duy trì môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng giữa các doanh nghiệp bảo hiểm, môi giới bảo hiểm; tạo ra những DNBH có quy mô lớn, tài chính lành mạnh và kinh doanh hiệu quả; cung cấp nhiều sản phẩm bảo hiểm với chất lượng dịch vụ tốt đáp ứng nhu cầu xã hội; thu hút đầu tư trực tiếp, các luồng vốn ngoài nước. Tính đến tháng 3/2010, tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực bảo hiểm nói riêng lên đến hơn 1 tỷ USD, chưa kể các hoạt động đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực khác do sự có mặt của các doanh nghiệp bảo hiểm hàng đầu thế giới tại Việt Nam. Theo đánh giá của các chuyên gia trong và ngoài nước, Luật KDBH đã được xây dựng công phu, kết cấu lô-gíc, chặt chẽ, bao trùm phần lớn các vấn đề trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đã đón đầu được sự phát triển của thị trường theo các chuẩn mực quốc tế. Mặc dù thực hiện 10 năm qua, phần lớn các vấn đề quy định trong luật vẫn còn phù hợp về lý luận cũng như thực tiễn. Kể từ khi Luật KDBH ra đời, số DNBH đã tăng từ 14 lên 50 DNBH, DNMBH, thuộc mọi thành phần kinh tế; tổng doanh thu phí bảo hiểm tăng từ 3.056 tỷ đồng (năm 2000) lên 25.510 tỷ đồng (năm 2010), với tốc độ tăng bình quân trên 27%/năm; tổng số tiền các DNBH đã huy động đầu tư trở lại nền kinh tế tăng từ 5.000 tỷ đồng (năm

2000) lên gần 69.000 tỷ đồng (năm 2010).

Tuy nhiên, do ban hành từ năm 2000, nên đến nay có một số vấn đề chưa phù hợp như:

- Việt Nam đã ký các thoả thuận hợp tác song phương, đa phương trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm (BTA với Hoa Kỳ, hợp tác trong ASEAN, hợp tác với Nhật Bản, Singapo,..), là thành viên của WTO với các cam kết mở cửa ngành và các cam kết nền cho phép ban hành các tiêu chí thận trọng tuỳ vào sự phát triển của mỗi nước. Ngoài ra, cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm (Bộ Tài chính) đã là thành viên của Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế (IAIS) cho nên công tác quản lý, giám sát bảo hiểm dần từng bước theo các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế.

- Kể từ năm 2000 đến nay, hệ thống luật có liên quan đến các vấn đề quy định tại Luật KDBH đã thay đổi, ví dụ Luật Doanh nghiệp năm 2005 thay thế Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Đầu tư thay thế Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, theo đó, hình thức doanh nghiệp chỉ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và cũng không phù hợp với hình thức doanh nghiệp quy định tại Luật KDBH. Ngoài ra, các quy định tại Luật Đấu thầu, Luật Cạnh tranh và Bộ luật Dân sự có nhiều quy định khác với Luật KDBH, trong khi hoạt động kinh doanh bảo hiểm là đặc thù ví dụ như đấu thầu, cạnh tranh trong bảo hiểm, hoặc giao kết hợp đồng bảo hiểm...

- Chúng ta đang trong quá trình đơn giản hóa thủ tục hành chính, nên trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phải công khai, minh bạch; quản lý, giám sát chặt chẽ biên khả năng thanh toán để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người tham gia bảo hiểm và tránh sụp đổ của một số doanh nghiệp bảo hiểm trên thế giới trong thời gian vừa qua.

Xuất phát từ những lý do trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH nhằm làm cho Luật phù hợp hơn với tình hình thực tiễn của nước ta, tạo cơ sở cho việc quản lý tốt hơn hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tạo điều kiện cho thị trường bảo hiểm vận động phát triển ổn định, hội nhập khu vực và quốc tế.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH được thực hiện theo các quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc sau:

1. Quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng và các chủ trương, chính sách, vai trò chủ đạo của nhà nước trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; những tư tưởng này phải thể hiện rõ trong sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH.

2. Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH phải xuất phát từ những đòi hỏi khách quan và tạo cơ sở pháp lý để giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn trước mắt và lâu dài, góp phần tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, góp phần phát triển thị trường bảo hiểm phát triển ổn định và bền vững.

3. Các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH phải mạch lạc, rõ ràng, phù hợp, thống nhất, đồng bộ với quy định của Hiến pháp, các bộ luật và luật hiện hành; phù hợp với các cam kết và điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc là thành viên.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

1. Ngày 21/11/2007, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 11/2007/QH12 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XII (2007-2011) và năm 2008. Ngày 17/6/2009, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 31/2009/QH12 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2010 và bổ sung Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ khoá XII (2007-2010). Theo đó, Luật sửa đổi, bổ sung Luật KDBH sẽ được trình Quốc hội vào kỳ họp thứ 8, Quốc hội khoá XII. Ngày 20/10/2008, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Luật sửa đổi, bổ sung Luật KDBH.

2. Sau khi thành lập, Ban soạn thảo và Tổ biên tập đã tổ chức hội thảo đánh giá 10 năm thực hiện Luật KDBH và các nội dung cơ bản cần sửa đổi, bổ sung. Đồng thời, tổ chức nghiên cứu một số chuyên đề; sưu tầm, nghiên cứu, hệ thống hoá các văn bản, các quy định liên quan đến kinh doanh bảo hiểm trong nước và quốc tế; tiếp tục lấy ý kiến về những nội dung cần sửa đổi, bổ sung; tổ chức họp để thảo luận về các nội dung sửa đổi, bổ sung Luật; tiếp thu tổng hợp ý kiến góp ý, xây dựng dự án Luật.

IV. CÁC NỘI DUNG CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM

Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH sửa đổi, bổ sung 12 điểm, thuộc 03 nhóm vấn đề liên quan đến 14 điều trong tổng số 129 điều của Luật, cụ thể như sau:

1. Các sửa đổi, bổ sung để phù hợp với cam kết WTO của Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm và các nguyên tắc bảo hiểm quốc tế:

1.1. Về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới:

Theo cam kết với WTO, Việt Nam cho phép cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới nhưng luật hiện hành chưa quy định về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới. Vì đây là vấn đề nhạy cảm và thận trọng nên dự thảo Luật bổ sung các quy định mang tính nguyên tắc, Chính phủ sẽ hướng dẫn các quy định cụ thể dựa trên các tiêu chí quản lý thận trọng được WTO cho phép, ví dụ điều kiện đối với DNBH nước ngoài, yêu cầu đặt cọc tại Việt Nam tương ứng với phần trách

nhiệm bảo hiểm tại Việt Nam,.. để bảo vệ quyền lợi cá nhân và doanh nghiệp tham gia bảo hiểm ở nước ngoài.

Khoản 1, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu bảo hiểm chỉ được tham gia bảo hiểm tại doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động ở Việt Nam.

Trường hợp các tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia bảo hiểm dưới hình thức cung cấp dịch vụ qua biên giới thực hiện theo các nguyên tắc dưới đây:

a. Tổ chức, cá nhân nước ngoài chịu hoàn toàn trách nhiệm và mọi rủi ro phát sinh có liên quan đối với hợp đồng bảo hiểm qua biên giới;

b. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng được giải quyết theo Phần thứ bảy – Quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài của Bộ Luật dân sự năm 2005 và quy định pháp luật của nước nguyên xứ.

Chính phủ quy định chi tiết về cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới.”

1.2. Về phân loại nghiệp vụ bảo hiểm:

Điều 7 Luật hiện hành quy định có 2 loại hình bảo hiểm bao gồm bảo hiểm nhân thọ với 5 nghiệp vụ bảo hiểm và bảo hiểm phi nhân thọ với 11 nghiệp vụ bảo hiểm cơ bản. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh bảo hiểm phát triển rất nhanh, việc quy định chi tiết các nghiệp vụ bảo hiểm không phản ánh kịp sự phát triển này. Ví dụ, trên thị trường có rất nhiều sản phẩm bảo hiểm thuộc nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, nghiệp vụ bảo hiểm bảo lãnh, nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm nhưng chưa được quy định tại Luật này. Vì vậy, quy định mới theo hướng khái quát hơn, phân theo các nhóm loại hình bảo hiểm cơ bản theo nguyên tắc phù hợp với thông lệ quốc tế.

Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

- “1. Bảo hiểm nhân thọ và hưu trí;*
- 2. Bảo hiểm phi nhân thọ;*
- 3. Bảo hiểm chăm sóc sức khoẻ (tự nguyện).*
- 4. Bộ Tài chính quy định danh mục chi tiết các nghiệp vụ và sản phẩm bảo hiểm”.*

1.3. Về chi nhánh phi nhân thọ nước ngoài:

Luật hiện hành không quy định hình thức chi nhánh của DNBH nước ngoài. Theo cam kết WTO, sau 5 năm kể từ ngày cam kết gia nhập WTO có hiệu lực, Việt Nam cho phép mở cửa đối với chi nhánh của DNBH nước ngoài. Vì vậy, Điều 59 sẽ bổ sung hình thức này (Phần 2 sẽ giải thích rõ hơn về Điều 59) Đồng thời, Điều 105 về hình thức hoạt động của DNBH, DNMGBH nước

ngoài và Điều 108 về thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài chính cũng sẽ được sửa tương ứng.

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 105 như sau:

“1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam dưới các hình thức sau đây:

- a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;
- b) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;
- c) Chi nhánh trực thuộc DNBH phi nhân thọ nước ngoài có trụ sở chính đặt tại nước thành viên Tổ chức thương mại thế giới
- d) Cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới theo quy định của Luật này.”

Sửa đổi, bổ sung Điều 108 như sau:

“Bộ Tài chính cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài; chi nhánh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; cấp phép cho doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới; giấy phép đặt văn phòng đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm nước ngoài tại Việt Nam”.

1.4. Về nhượng tái bảo hiểm bắt buộc:

Điều 9 Luật hiện hành quy định:

“1. Doanh nghiệp bảo hiểm có thể tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm khác, kể cả doanh nghiệp bảo hiểm ở nước ngoài.

2. Trong trường hợp tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm ở nước ngoài, doanh nghiệp bảo hiểm phải tái bảo hiểm một phần trách nhiệm đã nhận bảo hiểm cho doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm trong nước theo quy định của Chính phủ.”

Tuy nhiên, theo BTA và WTO, Việt Nam không còn quy định phải tái bảo hiểm bắt buộc cho Công ty tái bảo hiểm quốc gia (Vinare). Vì vậy, dự thảo bỏ quy định tại khoản 2 Điều này và sửa đổi, bổ sung như sau:

“Doanh nghiệp bảo hiểm có thể nhượng và nhận tái bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm khác, kể cả doanh nghiệp bảo hiểm ở nước ngoài”.

2. Các sửa đổi, bổ sung để phù hợp với các luật có liên quan:

2.1. Sửa đổi quy định về hình thức doanh nghiệp:

Điều 59 Luật hiện hành quy định:

“Các loại hình doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm:

1. Doanh nghiệp bảo hiểm nhà nước;
2. Công ty cổ phần bảo hiểm;
3. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ;
4. Doanh nghiệp bảo hiểm liên doanh;
5. Doanh nghiệp bảo hiểm 100% vốn đầu tư nước ngoài“.

Luật KDBH ban hành năm 2000, tuy nhiên, các Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp năm 2005, vì vậy, hình thức doanh nghiệp bảo hiểm giữa các luật khác nhau. Do đó, dự thảo mới quy định thống nhất theo các luật này, đặc biệt là Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, theo cam kết WTO như đã trình bày ở trên, Việt Nam cho phép thành lập chi nhánh của DNBH phi nhân thọ.

Riêng hình thức các chủ đầu tư là pháp nhân trong nước chỉ được phép thành lập công ty cổ phần bảo hiểm vì trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm rất lớn, đòi hỏi phải trích lập dự phòng cho các trách nhiệm đã cam kết, hơn nữa, nhiều hợp đồng bảo hiểm có thời hạn dài có khi lên tới vài chục năm. Vì vậy, hình thức pháp lý của doanh nghiệp bảo hiểm phải đảm bảo tính ổn định lâu dài và doanh nghiệp phải có khả năng huy động vốn linh hoạt nhằm đảm bảo thực hiện các cam kết dài hạn và rất lớn về mặt tài chính đối với đông đảo những người được bảo hiểm. Các cam kết này không thể phụ thuộc vào sự sống của một hoặc vài cá nhân đơn lẻ làm chủ sở hữu doanh nghiệp.

Vì vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung quy định về các loại hình doanh nghiệp, cụ thể là:

Điều 59 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Các loại hình doanh nghiệp bảo hiểm bao gồm:

1. Công ty cổ phần bảo hiểm;
2. Tổ chức bảo hiểm tương hỗ.
3. Công ty TNHH hữu hạn 01 thành viên (chủ đầu tư là doanh nghiệp bảo hiểm);
4. Công ty TNHH hữu hạn 02 thành viên trở lên (doanh nghiệp bảo hiểm 100% vốn nước ngoài hoặc liên doanh giữa doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài với một hoặc một số pháp nhân Việt Nam);
5. Chi nhánh của DNBH nước ngoài;

Chính phủ quy định việc chuyển đổi hình thức doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp bảo hiểm đã thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực và có hình thức pháp lý trái với quy định này”.

2.2. Về thẩm quyền quản lý các vấn đề liên quan đến đấu thầu và cạnh tranh

Điều 10 Luật hiện hành quy định:

“Điều 10. Hợp tác và cạnh tranh trong kinh doanh bảo hiểm

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm được hợp tác và cạnh tranh hợp pháp trong kinh doanh bảo hiểm.

2. Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

a) Thông tin, quảng cáo sai sự thật về nội dung, phạm vi hoạt động, điều kiện bảo hiểm làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên mua bảo hiểm;

b) Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, đe dọa nhân viên hoặc khách hàng của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm khác;

c) Khuyến mại bất hợp pháp;

d) Các hành vi cạnh tranh bất hợp pháp khác.”

Theo Luật Đấu thầu, Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn quy định về đấu thầu. Tuy nhiên, các quy định về đấu thầu mới tập trung vào hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản, chưa có quy định về đấu thầu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Ngoài ra, theo thông lệ quốc tế, cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm quản lý, hướng dẫn và kiểm soát hoạt động cạnh tranh trong lĩnh vực bảo hiểm vì mang tính đặc thù riêng, khác với các lĩnh vực, dịch vụ khác.

Sửa tên Điều 10 thành “Hợp tác, cạnh tranh và đấu thầu trong kinh doanh bảo hiểm” và bổ sung khoản 3 Điều 10 như sau:

3. Hợp tác, cạnh tranh và đấu thầu trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm thực hiện theo quy định của Chính phủ”.

2.3. Ưu tiên áp dụng Luật chuyên ngành

Khoản 1, Điều 2 của Luật hiện hành quy định: “Tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

Trong thời gian qua có nhiều sự khác nhau giữa Luật KDBH và các quy định khác như Bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư,... dẫn đến nhiều cách hiểu và xử lý khác nhau. Theo thông lệ quốc tế, thường áp dụng quy định của Luật chuyên ngành vì có nhiều vấn đề đặc thù của hoạt động kinh doanh bảo hiểm, các luật khác không phản ánh đúng bản chất bằng luật chuyên ngành.

Vì vậy, khoản 1, Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tổ chức và hoạt động kinh doanh bảo hiểm trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của

Luật này với quy định của luật khác về hoạt động kinh doanh bảo hiểm thì áp dụng theo quy định của Luật này”.

3. Các sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

3.1. Về điều kiện cấp phép:

Điều 63 Luật hiện hành quy định:

“Các điều kiện để được cấp giấy phép thành lập và hoạt động bao gồm:

1. Có số vốn điều lệ đã góp không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của Chính phủ;

2. Có hồ sơ xin cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 64 của Luật này;

3. Có loại hình doanh nghiệp và điều lệ phù hợp với quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật;

4. Người quản trị, người điều hành có năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm.”

Thực tế, trong thời gian qua, các văn bản dưới luật đã quy định điều kiện đối với chủ đầu tư xin cấp phép thành lập và hoạt động như có năng lực tài chính (điều kiện về tổng tài sản, có khả năng thanh toán theo yêu cầu của nước nguyên xứ), kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm (số năm hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm),.. Vì vậy, cần luật hoá quy định này, đảm bảo công khai, minh bạch. Do đó, bổ sung khoản 5 Điều 63 như sau:

“5. Tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có năng lực tài chính; tổ chức có kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm”.

3.2. Về đại lý bảo hiểm:

Điểm c, Khoản 1, Điều 86 quy định điều kiện đối với đại lý bảo hiểm:

“c) Có chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam cấp.”

Vừa qua, để chuẩn hoá công tác đào tạo, cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm của toàn thị trường, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm đã được phép thành lập trung tâm đào tạo bảo hiểm. Trong đó, chức năng cơ bản là đào tạo cho toàn ngành bảo hiểm, tổ chức thi và cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm. Vấn đề này đã được quy định tại Thông tư 86/2009/TT-BTC, vì vậy, dự thảo Luật bổ sung quy định BTC cấp chứng chỉ đào tạo đại lý, cụ thể là:

Sửa đổi điểm c, khoản 1, Điều 86 như sau:

“c) Có chứng chỉ *hành nghề* đại lý bảo hiểm“.

3.3. Về thanh tra bảo hiểm:

Khoản 1 Điều 122 Luật hiện hành quy định:

“1. Việc thanh tra hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phải được thực hiện đúng chức năng, đúng thẩm quyền và tuân thủ quy định của pháp luật.“

Từ năm 2009, theo Nghị định 41/2009/NĐ-CP, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm có thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm, vì vậy chỉ luật hoá quy định này vào khoản 1 Điều 122, cụ thể như sau:

“1. Thanh tra chuyên ngành bảo hiểm thực hiện thanh tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm.“

3.4. Bảo vệ bên mua bảo hiểm:

3.4.1. Về hợp đồng bảo hiểm (thời điểm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm)

Điều 15 Luật hiện hành quy định: *“Trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết hoặc khi có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm, trừ trường hợp có thoả thuận khác trong hợp đồng bảo hiểm“.*

Thông tư 86/2009/TT-BTC đã hướng dẫn chi tiết về vấn đề này vì trong thời gian qua có nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau từ cả phía DNBH và BMBH nhằm trục lợi, và có nhiều tranh chấp về vấn đề này. Dự thảo luật hoá quy định này nhằm nâng cao hiệu lực pháp lý của quy định này. Do đó, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi:

1. Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm, hoặc
2. Có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm, hoặc
3. Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm“.

3.4.2. Bảo vệ bên mua bảo hiểm trong trường hợp DNBH phá sản:

Điều 97 Luật hiện hành quy định:

“1. Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm phải lập quỹ dự trữ bắt buộc để bổ sung vốn điều lệ và bảo đảm khả năng thanh toán. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này do Chính phủ quy định.“

2. Ngoài quỹ dự trữ bắt buộc quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có thể lập các quỹ dự trữ khác từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính theo quy định trong điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Để bảo vệ quyền lợi của người dân tham gia bảo hiểm trong trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm gặp khó khăn về tài chính, các nước trong khu vực như Trung Quốc, Singapore, Nhật Bản, Đài Loan đều quy định lập quỹ bảo đảm bảo hiểm. Tuy nhiên, quỹ này thường do một tổ chức thứ ba hoặc cơ quan quản lý về bảo hiểm quản lý. Tại thời điểm này, ở nước ta, việc thành lập quỹ này chưa phù hợp. Do đó, để đáp ứng mục tiêu bảo vệ người tiêu dùng, ngoài việc trích lập dự phòng nghiệp vụ trên cơ sở phí bảo hiểm giữ lại, dự thảo Luật bổ sung yêu cầu trích lập quỹ bảo vệ bên mua bảo hiểm lấy từ nguồn phí bảo hiểm của DNBH.

Sửa tên Điều 97 thành “Quỹ dự trữ và quỹ bảo vệ bên mua bảo hiểm”, bổ sung khoản 3 Điều 97 như sau:

“3. Doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập quỹ bảo vệ bên mua bảo hiểm trên cơ sở doanh thu phí bảo hiểm. Chính phủ quy định chi tiết tỷ lệ trích lập, cách thức sử dụng quỹ này.”

3.5. Sửa đổi các quy định phải được Bộ Tài chính chấp thuận:

Khoản 1, Điều 69 Luật hiện hành quy định:

“1. Doanh nghiệp bảo hiểm phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản khi thay đổi một trong những nội dung sau đây:

- a) Tên doanh nghiệp;
- b) Vốn điều lệ;
- c) Mở hoặc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;
- d) Địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- đ) Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;
- e) Chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp chiếm 10% số vốn điều lệ trở lên;
- g) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc);
- h) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp.”

Quy định hiện hành chỉ nêu ra một số trường hợp cơ bản cần phải được Bộ Tài chính chấp thuận. Trong thực tế có nhiều thay đổi đối với DNBH nhân thọ cần được Bộ Tài chính chấp thuận như: chuyên gia tính toán, công ty kiểm toán độc lập, phương pháp tách quỹ chia lãi, chuyển lợi nhuận về nước, đầu tư ra nước ngoài, đầu các công cụ tài chính phái sinh, các công cụ tài chính định danh bằng ngoại tệ...

Lĩnh vực bảo hiểm là lĩnh vực nhạy cảm phải quản lý thận trọng để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của hàng chục triệu người tham gia bảo hiểm và quyền lợi quốc gia, vì vậy, cần phải sửa đổi quy định về những nội dung phải được Bộ Tài chính chấp thuận nêu tại khoản 1, Điều 69, cụ thể là:

“1. Doanh nghiệp bảo hiểm phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản khi thay đổi một trong những nội dung sau đây:

...

i) *Chuyên gia tính toán;*

k) *Đầu tư ra nước ngoài.*

2. *Doanh nghiệp bảo hiểm báo cáo Bộ Tài chính bằng văn bản khi thay đổi một trong những chức danh sau đây:*

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát, người đứng đầu bộ phận khai thác nghiệp vụ bảo hiểm, bồi thường bảo hiểm, tái bảo hiểm và đầu tư.

Khoản 2 Điều 69 sửa đổi thành khoản 3“.

Trên đây là một số nội dung chủ yếu liên quan đến Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật KDBH, Bộ Tài chính kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QL BH.

BỘ TRƯỞNG

Vũ Văn Ninh